

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-PT

Ngày 16-02-2022

V/v tranh chấp quyền  
đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tâm

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Ngô Thị Bích Diệp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp quyền đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2021/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 17/12/2021 và ngày 12/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ôn C, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 31/4, khu phố L1, phường L2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Số 23/16, tổ 16, khu phố T2, phường V, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; có mặt.

*Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, Luật sư tại Công ty Luật V1 thuộc Đoàn L Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 55, Ngõ Q, Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Ôn Thị M, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 14/46, khu 2, phường T3, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Phạm Đình N, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A3/259K, tổ 9, khu 3, phường T4, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/8/2020); có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Lê Thị Mỹ H, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Võ Tấn Đ chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương, Đoàn L tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Số 95/10, đường Lê Hồng P, khu 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Ôn C.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn trình bày:* Trước đây anh em chúng tôi có khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế của cha là Ôn Thọ B chết để lại, ngày 18/7/2008 Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T giải quyết theo Bản án số 44/2008/DSST, bản án sơ thẩm bị kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 146/2009/DSPT ngày 22/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, nội dung bản án phúc thẩm quyết định phân chia cho ông C phần đất diện tích 1.500m<sup>2</sup> (đã trừ hành lang rạch; vị trí A2) theo sơ đồ Bản án dân sự phúc thẩm số 146/2009/DSPT ngày 22/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Sau khi có Bản án dân sự phúc thẩm số 146/2009/DSPT ngày 22/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, ông Ôn C có lập giấy tay cho em gái là bà Ôn Thị M, được quản lý sử dụng toàn bộ diện đất nêu trên, việc cho đất được thể hiện bằng Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 02/6/2010 tại Chi cục T2 thị xã (nay là thành phố T). Tại biên bản này ông Ôn C có ghi “*Tôi đồng ý chuyển giao 1.500m<sup>2</sup> đất cho Ôn Thị M. Đồng thời rút đơn thi hành án đối với số tiền 10.883.571 đồng và lãi suất chậm thi hành án*”. Ngoài nội dung được ghi nhận tại Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 02/6/2010 thì ông C còn lập giấy tay để cho bà M. Khi cho đất ông C có đưa ra điều kiện bà M phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc mẹ là bà Nguyễn Thị K. Ngày 17/5/2012 bà M được Cơ quan U thị xã (nay là thành phố) T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất thực tế được cấp là 1.541,1m<sup>2</sup>. Hiện nay ông C yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, buộc bà Ôn Thị M trả lại phần đất diện tích 1.541,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại phường T2, thành phố T, tỉnh Bình Dương và tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M. Nguyên đơn yêu cầu bà M giao trả quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế là 1.541,1m<sup>2</sup> và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 533100, sổ vào sổ cấp GCN: CH02490, thửa đất số 125, tờ bản đồ số S, tọa lạc tại phường T2, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Bị đơn và người đại diện bị đơn trình bày:* Tại Bản án phúc thẩm số 146/2009/DSPT ngày 22/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản của ông Ôn Thọ B chết để lại theo pháp luật. Trong đó ông Ôn C được quyền quản lý, sử dụng khu đất diện tích 1.500m<sup>2</sup>. Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, những người được hưởng di sản đã yêu cầu cơ quan thi hành án để thi hành bản án nêu trên. Tại Cơ quan thi hành án, ông C đã đồng ý tặng cho lại cho bà M diện tích đất mà ông C được chia là 1.500m<sup>2</sup>. Chi cục T2 thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương đã lập biên

bản cầm mốc giao phần đất ông C tặng cho bà M theo Biên bản ngày 23/12/2010. Sau đó bà M đã liên hệ với cơ quan chức năng để tiến hành đăng ký, kê khai. Ngày 17/5/2012 bà M được CƠ QUAN U thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 533100, sổ vào sổ cấp GCN: CH02490, thửa đất số 125, tờ bản đồ số S với diện tích đo đạc thực tế khi cấp giấy là 1.541,1m<sup>2</sup>. Việc ông C tặng cho bà M phần đất 1.500m<sup>2</sup> hoàn toàn từ ý chí tự nguyện của ông C, bà M đã tiến hành đăng ký, kê khai và được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay bà M không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, đại diện bị đơn đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015, tranh chấp về hợp đồng thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày ông C biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Căn cứ vào thời điểm tặng cho năm 2010 cho đến nay thì cũng đã quá 03 năm kể từ ngày ông C tặng cho nên bà M yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 124, Điều 132, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ôn C đối với bị đơn bà Ôn Thị M về việc “Tranh chấp quyền đòi lại tài sản” quyền sử dụng đất diện tích 1.541,1m<sup>2</sup> và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02490 thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số S tọa lạc tại phường T2, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/5/2021, Ông Ôn C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T kháng nghị bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Ôn C không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa CƠ QUAN U thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và giữ lại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa CƠ QUAN U thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy hợp đồng tặng cho bà Ôn Thị M quyền sử dụng đất diện tích 1.500m<sup>2</sup> tại phường T2, thành phố T kèm theo điều kiện bà M phải nuôi dưỡng, săn sóc mẹ là bà Nguyễn Thị K, nhưng bà M không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng, săn sóc mẹ nên ông Ôn C mới khởi kiện yêu cầu bà M trả lại diện tích đất trên là không có căn cứ, bởi vì bà M căn cứ vào biên bản giải quyết của thi hành án thành phố T lập ngày 02/6/2010, bà M tiến hành kê khai đăng ký xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 611443 ngày 07/7/2009 và Biên bản giao đất ngày 23/12/2010 của cơ quan Thi hành án thành phố T, ngày 17/5/2012 bà M được CƠ QUAN U thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với trình tự thủ tục quy định tại thời điểm cấp. Ông Ôn C kháng cáo đòi lại tài sản nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc tặng cho là có điều kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Ôn C và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa CƠ QUAN U thành phố T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp “tranh chấp quyền đòi lại tài sản” và không ghi yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thiếu sót, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về việc tranh chấp quyền đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về ông Ôn C yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 1.500m<sup>2</sup> tại phường T2, thành phố T, tỉnh Bình Dương và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Ôn Thị M là không có căn cứ chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư, Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Ôn C làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của ông Ôn C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ôn Thị M trả lại quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 1.541,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại phường T2, thành phố T, tỉnh Bình Dương và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Ôn Thị M.

[2.2] Ngày 22/5/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Bản án dân sự phúc thẩm số 146/2009/DSPT về tranh chấp thừa kế, quyết định: "...ông Ôn C được quyền quản lý, sử dụng khu đất diện tích 1.500m<sup>2</sup> (đã trừ HLBV rạch; vị trí A2, trên sơ đồ 2), trị giá 75.000.000 đồng. Các đương sự phải kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia theo quy định hiện hành... Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án".

[2.3] Ngày 21/7/2009 ông Ôn C có đơn yêu cầu thi hành án đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 146/2009/DSPT ngày 22/5/2009 và tại Biên bản giải quyết thi hành án ngày 02/6/2010 của Chi cục T2 thành phố T4, ông C đã tự nguyện chuyển giao quyền quản lý, sử dụng khu đất diện tích 1.500m<sup>2</sup> (đã trừ HLBV rạch; vị trí A2, trên sơ đồ 2), trị giá 75.000.000 đồng cho bà Ôn Thị M và tự nguyện rút đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 10.883.571 đồng.

[2.4] Sự tự nguyện này của ông Ôn C không trái pháp luật và đạo đức xã hội không vi phạm điều cấm của pháp luật.

[2.5] Cho nên, ngày 23/12/2010, Chi cục T2 thành phố T4 tiến hành lập biên bản cầm mốc giao phần đất ông C được quyền sử dụng theo bản án dân sự phúc thẩm nói trên cho bà Ôn Thị M.

[2.6] Ngày 11/4/2012, Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố T xác lập biên bản trích lục địa chính cho bà Ôn Thị M theo Quyết định Thi hành án số 1443/QĐ-THA ngày 07/7/2009 đối với diện tích 1.541,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 43 (125), tờ bản đồ số 20, xã (nay là phường T2). Ngày 17/5/2012 bà Ôn Thị M được CƠ QUAN U thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 533100, sổ vào sổ cấp GCN: CH02490, thửa đất số 125, tờ bản đồ số S với diện tích đo đạc thực tế khi cấp giấy là 1.541,1m<sup>2</sup> và bà M là người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất trên cho đến nay, quá trình sử dụng từ thời điểm chuyển giao từ ngày 02/6/2010 đến nay ông Ôn C không có ý kiến phản đối việc bà M trực tiếp sử dụng đất.

[2.7] Căn cứ Điều 188 Luật Đất đai, bà Ôn Thị M đủ điều kiện thực hiện các quyền sử dụng đất về tặng cho quyền sử dụng đất. Như vậy, việc chuyển giao quyền sử dụng đất giữa ông Ôn C và bà Ôn Thị M được thể hiện tại Biên bản giải quyết thi hành án ngày 02/6/2010 của Chi cục T2 thành phố T4, ông C đã tự nguyện chuyển giao quyền quản lý, sử dụng khu đất diện tích 1.500m<sup>2</sup> (đã trừ HLBV rạch; vị trí A2, trên sơ đồ 2), trị giá 75.000.000 đồng cho bà Ôn Thị M.

[2.8] Tại Công văn số 304/CƠ QUAN U-VP ngày 04/02/2021 của CƠ QUAN U thành phố T xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ôn Thị M trên cơ sở biên bản giải quyết việc thi hành án được lập ngày 02/6/2010, ông Ôn C tự nguyện tặng cho quyền sử dụng diện tích 1.500m<sup>2</sup> cho bà Ôn Thị M được quyền quản lý sử dụng theo Bản án dân sự phúc thẩm số 146/DS-PT ngày 22/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương có hiệu lực pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa CƠ QUAN U thành phố T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[2.9] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm là không có căn cứ.

[3] Từ những lập luận và phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Ôn C yêu cầu bà M giao trả quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế là 1.541,1m<sup>2</sup> và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 533100, sổ vào sổ cấp GCN: CH02490, thửa đất số 125, tờ bản đồ số S, đất tọa lạc tại phường T2, thành phố T, tỉnh Bình Dương là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật là “tranh chấp quyền đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là không cần thiết, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ôn C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ôn C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, giữ nguyên Bản án dân sự số thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T như sau:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ôn C đối với bị đơn bà Ôn Thị M về việc “tranh chấp quyền đòi lại tài sản” quyền sử dụng đất diện tích 1.541,1m<sup>2</sup> và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02490 thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số S tọa lạc tại phường T2, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ôn C là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

1.3. Về chi phí tố tụng: Ông Ôn C phải chịu số tiền 2.973.025 đồng, ông C đã thực hiện việc giao nộp xong.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ôn C là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa D.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Bùi Văn Tâm**

